



臺灣菸酒股份有限公司

107 年度從業職員及從業評價職位人員甄試試題

甄試類別：從業職員（第3職等人員【一】）－國際貿易

專業科目 2：越南文

—作答注意事項—

- ① 應考人須按編定座位入座，作答前應先檢查答案卡(卷)、測驗入場通知書號碼、桌角號碼、應試科目是否相符，如有不同應立即請監試人員處理。使用非本人答案卡(卷)作答者，不予計分。
- ② 答案卡(卷)須保持清潔完整，請勿折疊、破壞或塗改測驗入場通知書號碼及條碼，亦不得書寫應考人姓名、測驗入場通知書號碼或與答案無關之任何文字或符號。
- ③ 本試題本為雙面，共100分，答案卡(卷)每人一張，不得要求增補。未依規定劃記答案卡(卷)，致讀卡機器無法正確判讀時，由應考人自行負責，不得提出異議。
- ④ 選擇題限用2B鉛筆作答。請按試題之題號，依序在答案卡(卷)上同題號之劃記答案處作答，未劃記者，不予計分。欲更改答案時，請用橡皮擦擦拭乾淨，再行作答，切不可留有黑色殘跡，或將答案卡(卷)汗損，也切勿使用立可帶或其他修正液。非選擇應用題限用藍、黑色鋼筆或原子筆，欲更改答案時，限用立可帶修正後再行作答，不得使用修正液。
- ⑤ 本項測驗僅得使用簡易型電子計算器（依考選部公告「國家考試電子計算器規格標準」規定第一類：具備+、-、×、÷、%、 $\sqrt{\quad}$ 、MR、MC、M+、M- 運算功能，不具任何財務函數、工程函數功能、儲存程式功能），並不得發出聲響；若應考人於測驗時將不符規定之電子計算器放置於桌面或使用，經勸阻無效，仍執意使用者，該節扣10分；該電子計算器並由監試人員保管至該節測驗結束後歸還。
- ⑥ 答案卡(卷)務必繳回，未繳回者該科以零分計算。

壹、選擇題【共 20 題，每題 3 分，共 60 分】

1. Cô thường đi làm _____?
(A) lúc mấy giờ (B) tám giờ sáng (C) đâu ở (D) ở ngân hàng
2. Xin hỏi, chuyến xe tối _____ lúc 6 giờ, phải không cô?
(A) kết cuộc (B) khởi động (C) khởi hành (D) đang chạy
3. Đi từ thành phố Hồ Chí Minh ra Nha Trang. Loại vé _____ rẻ hơn, vé xe lửa hay vé xe đò?
(A) gì (B) nào (C) ở đâu (D) mấy
4. Nếu trẻ em bị sốt cao thì cha mẹ nên đưa bé vào _____.
(A) bệnh viện (B) trường học (C) công ty (D) nhà
5. Từ nào trái nghĩa với từ “ nóng”.
(A) buồn (B) vui (C) lạnh (D) to
6. Anh phải viết rõ các thông tin vào _____ hải quan.
(A) tờ khai (B) tờ trắng (C) tờ giấy (D) tờ mới
7. bà Elisa / Đài Loan/ người/ không phải/ là
(A) Elisa là không phải bà người Đài Loan.
(B) không phải là Bà Elisa người Đài Loan.
(C) Bà Elisa là phải người Đài Loan không.
(D) Bà Elisa không phải là người Đài Loan.
8. Bạn _____ tới Việt Nam lần nào _____?
(A) _____ đang _____ chưa
(B) _____ đang _____ rồi
(C) _____ đã _____ chưa
(D) _____ đã _____ rồi
9. người nước nào/ là/ ông/ xin lỗi/ ?
(A) xin lỗi, anh ấy là người nước nào?
(B) xin lỗi, chị là người nước nào?
(C) xin lỗi, ông là người nước nào?
(D) xin lỗi, ông người là nước nào?
10. Chào cô. Tôi muốn mua một _____ đi Nha Trang.
(A) tờ (B) cuốn (C) vé (D) xấp
11. Khi tỷ giá hối đoái tăng lên sẽ:
(A) Có lợi cho nhập khẩu.
(B) Có lợi cho xuất khẩu.
(C) Có lợi cho nhập khẩu và xuất khẩu.
(D) Có hại cho nhập khẩu và xuất khẩu.
12. Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) thành lập năm nào?
(A) 1995 (B) 1977 (C) 1967 (D) 1968

13. Mỹ là một thị trường đa dạng và tương đối dễ tính, nguyên nhân là vì:
- (A) Là một thị trường lớn, có sức mua cao.
 - (B) Đa chủng tộc, có mức sống rất khác nhau.
 - (C) Dân số đông.
 - (D) Thu nhập bình quân đầu người cao.
14. Nghiệp vụ cho phép người mua có quyền không bắt buộc mua hoặc bán một số lượng ngoại tệ nhất định ở một mức giá và thời hạn được xác định trước là nghiệp vụ gì?
- (A) Nghiệp vụ giao dịch ngoại hối quyền chọn.
 - (B) Nghiệp vụ hoán đổi.
 - (C) Nghiệp vụ kinh doanh chênh lệch tỷ giá.
 - (D) Nghiệp vụ giao dịch ngoại hối giao sau.
15. Đài Loan gia nhập Tổ chức Thương Mại Thế giới (WTO) vào ngày tháng năm nào?
- (A) 1/1/2001
 - (B) 1/1/2002
 - (C) 1/2/2001
 - (D) 1/2/2002
16. Chính sách quản lý xuất khẩu bao gồm:
- (A) Chính sách quản lý nguồn hàng.
 - (B) Chính sách hoàn thiện về thể chế và xúc tiến thương mại.
 - (C) Chính sách hỗ trợ tài chính, tín dụng.
 - (D) Cả 3 đáp án trên đều sai.
17. Thành phố nào sau đây không thuộc miền Nam Việt Nam:
- (A) Thành phố Hải Phòng.
 - (B) Thành phố Cần Thơ.
 - (C) Thành phố Hồ Chí Minh.
 - (D) Thành phố Thủ Dầu Một.
18. Cảng Vân Phong thuộc tỉnh nào sau đây:
- (A) Phan Thiết
 - (B) Bình Định
 - (C) Cửa Lò
 - (D) Khánh Hòa
19. Tác động của thuế quan nhập khẩu là gì ?
- (A) Khuyến khích xuất khẩu.
 - (B) Phân phối lại thu nhập.
 - (C) Không tác động đến giá nội địa của hàng hóa nhưng tác động đến khối lượng hàng hóa nhập khẩu.
 - (D) Các đáp án trên đều sai.
20. Thuế quan là loại thuế gì?
- (A) Thuế đánh vào hàng hóa nhập khẩu.
 - (B) Thuế đánh vào hàng hóa xuất khẩu.
 - (C) Thuế đánh vào hàng hóa quá cảnh.
 - (D) Cả 3 đáp án trên đều đúng.

貳、非選擇題【共 2 題，每題 20 分，共 40 分】

一、Hãy trình bày đặc điểm chính của thương mại quốc tế? 【20分】

二、閱讀測驗【請依照段落上下文意，寫出最適當的答案】

Việt Nam là một nước thuộc khu vực Đông Nam Á. Trên bản đồ, Việt Nam mang hình chữ S, có tổng diện tích 331,688 km², đường biên giới trên đất liền dài 4,639 km. Phía Bắc giáp với Trung Quốc, phía Đông và phía Nam giáp với biển Đông mênh mông, phía Tây giáp với hai nước Lào và Cam-pu-chia. Phần rộng nhất trên đất liền dài chừng 600 km, nơi hẹp nhất dài gần 50 km.

Việt Nam có ba mặt Đông, Nam, Tây-Nam trông ra biển với bờ biển dài 3,260 km. Phần biển Đông thuộc chủ quyền Việt Nam mở rộng về phía Đông và Đông Nam, có thêm lục địa, các đảo và quần đảo lớn nhỏ bao bọc, tổng diện tích thêm lục địa trên 1 triệu km². Vịnh Bắc Bộ có gần 3,000 hòn đảo trong khu vực Vịnh Hạ Long, Bái Tử Long, các đảo Cát Hải, Cát Bà, Bạch Long Vĩ... xa hơn là quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Phía Tây-Nam và Nam có các nhóm đảo Phú Quốc và Thổ Chu...

Dân số Việt Nam tính đến tháng 7 năm 2017 là 95,414,640 người, đứng hàng thứ 3 Đông Nam Á và đứng thứ 14 trên thế giới. Độ tuổi trung bình của người dân là 30.8 tuổi. Trong đó nữ chiếm 49.3%, nam chiếm 50.7%. Dân số thành thị chiếm 35.1%; dân số nông thôn chiếm 64.9%. Tuổi thọ trung bình dân số là 73.5, trong đó tuổi thọ trung bình của nam là 70.9 và nữ là 76.2. Tổng số người trong độ tuổi lao động là 55 triệu người. Việt Nam hiện nay là nước theo chế độ Xã hội Chủ nghĩa, tên gọi chính thức là Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Hệ thống chính trị thực hiện theo cơ chế một Đảng lãnh đạo duy nhất (Đảng Cộng sản Việt Nam). Hà Nội là thủ đô của Việt Nam.

(一) Việt Nam nằm ở khu vực nào của Châu Á? 【4分】

(二) Việt Nam tiếp giáp với các nước nào? 【4分】

(三) Tại sao Việt Nam có được nguồn sản lượng hải sản phong phú? 【4分】

(四) Việt Nam có rất nhiều hòn đảo xinh đẹp. Tại miền Bắc, nơi nào được UNESCO công nhận là Di sản Thiên nhiên Thế giới? 【4分】

(五) Bạn hiểu biết gì về dân số hiện nay ở Việt Nam? 【4分】

107 年度從業職員及從業評價職位人員甄試甄試答案

甄試類別：從業職員(第3職等人員【一】)-國際貿易

專業科目2：越南文

壹、選擇題【共 20 題，每題 3 分，共 60 分】

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
A	C	B	A	C	A	D	C	C	C
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
B	C	B	A	B	D	A	D	B	D

貳、非選擇題【共 2 題，每題 20 分，共 40 分】

略

答
案